

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục báo cáo định kỳ lĩnh vực
nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 257/TTr-SNN ngày 28 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục báo cáo định kỳ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, KSTT, K1, K3, K10, K13, K19.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long

Danh mục**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)*

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Lĩnh vực lâm nghiệp						
1	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chậm nhất ngày 16 của tháng thuộc kỳ báo cáo	Hàng tháng (12 lần/năm)	Biểu mẫu báo cáo số 01 tại Phụ lục của Quy định kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh	Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh
		Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chậm nhất ngày 20 của tháng thuộc kỳ báo cáo			
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất ngày 22 của tháng thuộc kỳ báo cáo			
2	Báo cáo kết quả công tác lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chậm nhất ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	06 tháng đầu năm, năm (02 lần/năm)	Biểu mẫu báo cáo số 02 tại Phụ lục của Quy định kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh	Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh
		Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chậm nhất ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo			
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất ngày 22 của tháng cuối kỳ báo cáo			

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						UBND tỉnh	
II	Lĩnh vực chăn nuôi và thú y						
3	Báo cáo dịch bệnh thủy sản	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chậm nhất ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Tháng, 06 tháng đầu năm, năm (12 lần/năm; lồng ghép báo cáo Tháng 6 vào báo cáo 06 tháng đầu năm, lồng ghép báo cáo Tháng 12 vào báo cáo năm)	Biểu mẫu báo cáo số 03 tại Phụ lục của Quy định kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh	Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh.
		Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chậm nhất ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo			
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất ngày 22 của tháng cuối kỳ báo cáo			
III	Lĩnh vực Thủy sản						
4	Báo cáo kết quả đào tạo, cấp chứng chỉ thuyền viên tàu cá	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chậm nhất ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	06 tháng đầu năm, năm (02 lần/năm)	Biểu mẫu báo cáo số 04 tại Phụ lục của Quy định kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh	Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh.
		Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chậm nhất ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo			
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất ngày 22 của tháng cuối kỳ báo cáo			
IV	Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật						
5	Báo cáo tình hình	Ủy ban nhân dân	Ủy ban nhân dân	- Đối với báo cáo	Tuần: lồng ghép	Biểu mẫu báo	Điều 12 Quy định

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	sinh vật gây hại	cấp xã	cấp huyện	tháng, năm: Chậm nhất ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo; - Đối với báo cáo tuần: thứ Tư hàng tuần; - Đối với vụ Đông Xuân: ngày 21/3 hàng năm; - Đối với vụ Hè Thu: ngày 21/8 hàng năm; - Đối với vụ Mùa: ngày 21/10 hàng năm.	báo cáo tuần thứ tư của tháng báo cáo vào báo cáo tháng đó (40 lần/năm); Tháng: lồng ghép báo cáo tháng 12 vào báo cáo năm (11 lần/năm); Vụ (03 lần/năm); Năm (01 lần/năm).	cáo số 05 (Mẫu 01 và Mẫu 02) tại Phụ lục của Quy định kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh	ban hành kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh
		Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Đối với báo cáo tháng, năm: Chậm nhất ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo; - Đối với báo cáo tuần: thứ Năm hàng tuần; - Đối với vụ			

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				<p>Đông Xuân: ngày 23/3 hàng năm;</p> <p>- Đối với vụ Hè Thu: ngày 23/8 hàng năm;</p> <p>- Đối với vụ Mùa: ngày 23/10 hàng năm.</p>			
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh	<p>- Đối với báo cáo tháng, năm: Chậm nhất ngày 22 của tháng cuối kỳ báo cáo;</p> <p>- Đối với báo cáo tuần: thứ Sáu hàng tuần;</p> <p>- Đối với vụ Đông Xuân: ngày 24/3 hàng năm;</p> <p>- Đối với vụ Hè Thu: ngày 24/8 hàng năm;</p> <p>- Đối với vụ Mùa: ngày 24/10 hàng năm.</p>			

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/ Tần suất báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định chế độ báo cáo định kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
V	Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản						
6	Báo cáo định kỳ về công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chậm nhất ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Tháng, 06 tháng đầu năm, năm (lồng ghép báo cáo Tháng 6 vào báo cáo 06 tháng đầu năm, lồng ghép báo cáo Tháng 12 vào báo cáo năm)	Biểu mẫu báo cáo số 06 tại Phụ lục của Quy định kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh	Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh
		Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chậm nhất ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo			
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất ngày 22 của tháng cuối kỳ báo cáo			
7	Báo cáo tình hình sản xuất, tiêu thụ và xuất, nhập khẩu muối	Ủy ban nhân dân cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Chậm nhất ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo	Tháng, 06 tháng đầu năm, năm (lồng ghép báo cáo Tháng 6 vào báo cáo 06 tháng đầu năm, lồng ghép báo cáo Tháng 12 vào báo cáo năm)	Biểu mẫu báo cáo số 07 tại Phụ lục của Quy định kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh	Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh
		Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chậm nhất ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo			
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh	Chậm nhất ngày 22 của tháng cuối kỳ báo cáo			